

PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ CHI TIẾT KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT

Thực hiện dự án Khu đô thị thành phố công nghệ xanh Hà Nội

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2026 của UBND phường Đại Mỗ)

I NGƯỜI SỬ DỤNG ĐẤT VÀ TÀI SẢN TRÊN ĐẤT:

HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN BÀ NGUYỄN THỊ CHÍ.

- Địa chỉ thường trú: TDP số 1 Ngọc Trục, Phường Đại Mỗ, thành phố Hà Nội
- Địa chỉ giải phóng mặt bằng: Phường Đại Mỗ, thành phố Hà Nội
- 1 **Tổng diện tích đất đang sử dụng:** 903,0 m2 Trong đó:
- Đất nông nghiệp được giao theo ND 64/CP, đã được cấp GCNQSD đất, nằm trong hạn mức giao đất: 903,0 m2
- 2 **Diện tích đất nằm trong chỉ giới thu hồi:** 536,0 m2 Trong đó:
- Đất nông nghiệp được giao theo ND 64/CP, đã được cấp GCNQSD đất, đã có Quyết định thu hồi đất số 224/QĐ-UBND ngày 08/8/2025 của UBND phường Đại Mỗ và Quyết định phê duyệt phương án số 2325/QĐ-UBND ngày 25/6/2025 của UBND PHƯỜNG ĐẠI MỠ (trước đây): 368,0 m2
- Đất nông nghiệp được giao theo ND 64/CP, đã được cấp GCNQSD đất, thực hiện thu hồi lần này: 168,0 m2
- Tỷ lệ thu hồi đất: 59,36%
- Số nhân khẩu trực tiếp sản xuất nông nghiệp: 3 khẩu
- + Diện tích đang sản xuất nông nghiệp: 168 m2 Thuộc thửa đất số 471 tờ bản đồ số 23
- 3 Căn cứ Biên bản số 168/BB-QLDA ngày 27/10/2025; Giấy xác nhận số 188/GXN-UBND ngày 23/12/2030 của UBND phường Đại Mỗ

II PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ:

| STT                       | Nội dung bồi thường, hỗ trợ  | ĐVT  | Số lượng | Đơn giá (đồng) | Tỷ lệ (%) | Thành tiền (đồng)  | Ghi chú   |
|---------------------------|--|------|----------|----------------|-----------|--------------------|---|
| 1                         | <b>Bồi thường về đất:</b>  |      |          |                |           | <b>48.720.000</b>  | <b>(1)</b>  |
| -                         | Đất nông nghiệp được giao theo ND 64/CP, đã được cấp GCNQSDĐ   | m2   | 168,0    | 290.000        | 100%      | 48.720.000         | Căn cứ Nghị quyết 52/2025/NQ-HĐND ngày 26/11/2025 Quy định về Bảng giá đất lần đầu để công bố và áp dụng từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 trên địa bàn thành phố Hà Nội |
| 2                         | <b>Các khoản hỗ trợ:</b>   |      |          |                |           | <b>252.564.000</b> | <b>(2)</b>  |
| -                         | Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm khi bị Nhà nước thu hồi đất (Thực hiện theo khoản 5 Điều 109 Luật đất đai 2024 và Điều 22 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ). Mức hỗ trợ căn cứ theo Điều 16 Bản Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024 của UBND thành phố Hà Nội. Mức hỗ trợ (05 lần x 290.000 đồng/m2 = 1.450.000đồng/m2) | m2   | 168,0    | 1.450.000      | 100%      | 243.600.000        |   |
| -                         | Hỗ trợ ổn định đời sống cho hộ gia đình, cá nhân ( tỷ lệ % mất đất từ 30% đến 70%). Mức hỗ trợ căn cứ theo Điều 19 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ. Mức hỗ trợ: 30kg gạo x 16.600 vnd x 06 tháng = 2.980.000 vnd/ người  | khẩu | 3        | 2.988.000      | 100%      | 8.964.000          |   |
| -                         | Thưởng tiền độ giải phóng mặt bằng (theo Điểm 1 Khoản 5 Điều 1, Quyết định số: 10/2026/QĐ-UBND ngày 18/01/2026 của UBND thành phố Hà Nội Về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024 của UBND Thành phố: 10.000 đồng/m2 nhưng không quá 10.000.000 đồng/chủ sử dụng)   | m2   | 168,0    | 10.000         | 100%      | 0                  | Không xem xét hỗ trợ do hộ gia đình, cá nhân không phải hợp trong công tác kê khai, điều tra hiện trạng về đất và tài sản gắn liền với đất theo quy định            |
| 3                         | <b>Bồi thường về cây cối, hoa màu:</b>   |      |          |                |           | <b>5.040.000</b>   | <b>(3)</b>  |
| -                         | <b>Cây trồng trên thửa đất số 471 tờ bản đồ số 23 diện tích 168m2</b>  |      |          |                |           |                    |   |
| +                         | Đào thế: 150 cm ≤ cao < 200 cm   | cây  | 80       | 126.000        | 50%       | 5.040.000          |   |
| <b>Tổng cộng: (1+2+3)</b> |  |      |          |                |           | <b>306.324.000</b> |   |

(Bảng chữ: Ba trăm linh sáu triệu, ba trăm hai mươi bốn nghìn đồng./.)